

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2022

V/v: Ly hôn giữa chị L và anh D

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN D TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai Hương

*Các thẩm phán:* Ông Trần Trọng Đại

Ông Trần Văn Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân D tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân D tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án D sự thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-DS ngày 28/11/2022 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1970

ĐKHKT: Xóm QH - xã HQ - huyện HH - tỉnh Nam Định.

Hiện đang thường trú và lao động tại Đài Loan

+ **Bị đơn:** Anh Mai Văn D - Sinh năm 1965

Nơi thường trú: Xóm QH - xã HQ - huyện HH - tỉnh Nam Định.

**- Người giám hộ và là người đại diện của anh Mai Văn D tại phiên tòa:** Chị Mai Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1998

Nơi thường trú: Xóm QH - xã HQ - huyện HH - tỉnh Nam Định.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02-11-1988 tại UBND xã Hải Quang - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay chị L đang sinh sống lao động tại Đài Loan, còn anh D sinh sống tại Việt nam; khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ lâu. Xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể sống chung nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị L, anh D có 02 con chung là cháu Mai Thanh T, sinh ngày 14-02-1990, cháu Mai Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 28-02-1998, hiện cả hai con chung của anh chị đều đã thành niên, đều có khả năng tự lập lao động nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Mai Văn D, cùng với người giám hộ và người đại diện theo ủy quyền đều thống nhất trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị L về về thời gian, địa điểm kết hôn, quá trình chung sống, cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân. Hiện chị L sinh sống lao động tại Đài Loan, anh D đang ở Việt Nam. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh Mai Văn D cũng thống nhất với lời trình bày của chị L về con chung, do các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh D và chị L tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 31-10-2022 được địa phương cư trú xác nhận: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D có đăng ký kết

hôn ngày 02-11-1988 tại UBND xã Hải Quang - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định. Chị L và anh D có 02 con chung là Mai Thanh T, sinh ngày 14-02-1990, cháu Mai Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 28-02-1998. Hiện tại, chị L đang đi lao động tại Đài Loan, anh D sinh sống tại địa phương. Anh D, chị L có đơn xin ly hôn, thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng D sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng D sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02-11-1988 tại UBND xã Hải Quang. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, hiện chị L đang lao động và cư trú tại Đài Loan, anh D sống tại Việt Nam; do khoảng cách địa lý nên vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, anh D cũng nhất trí ly hôn, vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị L, căn cứ Điều 55 Luật HNGĐ xử lý hôn giữa chị L và anh D.

Về con chung: hai con chung của chị L anh D đều đã đủ 18 tuổi, đều có khả năng lao động và tự lập được cuộc sống, nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L anh D đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đang cư trú và lao động tại Đài Loan, bị đơn anh Mai Văn D đang thường trú tại Xóm QH - xã HQ - huyện HH - tỉnh Nam Định, nên căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 469 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D tỉnh Nam Định.

Bị đơn anh Mai Văn D có bệnh án thể hiện có tiền sử bị nhồi máu não, hiện bị liệt  $\frac{1}{2}$  người, vẫn tinh táo nhận thức được, nhưng đi lại và phân phát

ngôn nghe - nói hơi khó khăn, nên thuộc trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; căn cứ Điều 88 BLTTDS, Điều 46 và điểm d khoản 1 Điều 47 BLDS, Tòa án đã chỉ định chị Mai Thị Quỳnh Tr (sinh năm 1998; là con gái của anh D) sẽ là người giám hộ, đại diện cho anh Mai Văn D trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Quá trình tố tụng, anh Mai Văn D cũng có giấy ủy quyền cho chị Mai Thị Quỳnh Tr là người đại diện theo ủy quyền của anh Mai Văn D tham gia tố tụng tại Tòa án.

Chị Nguyễn Thị L, anh Mai Văn D, chị Mai Thị Quỳnh Tr đều có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ điều 227, Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Quang - huyện Hải Hậu vào năm 1988, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, chị L cư trú và làm việc tại Đài Loan, anh D sống tại Việt Nam; anh D và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D có 02 con chung là cháu Mai Thanh T, sinh ngày 14-02-1990, cháu Mai Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 28-02-1998, hiện cả hai con chung của anh chị đều đã thành niên, đều có khả năng tự lập lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí D sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí D sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D.

3. Án phí D sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí D sự sơ thẩm mà chị L đã nộp tại biên lai số 0006796 ngày 21-10-2022 của Chi cục thi hành án D sự huyện Hải Hậu. Xác định chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí D sự sơ thẩm.

#### **4. Quyền kháng cáo:**

Đương sự, người đại diện của đương sự có mặt tại Việt Nam được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án D sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### ***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao
- VKSND tỉnh NĐ
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

**Vũ Thị Mai Hương**

**HỘI THẨM NHÂN D**

**CHỦ TỌA**

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**HỘI THẨM NHÂN D**

**CHỦ TỌA**

**CÁC THẨM PHÁN**

**CHỦ TỌA**



*Nam Định, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10h45' ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại phòng nghị án.

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai Hương

*Các hội thẩm:* Ông Trần Trọng Đại

Ông Trần Văn Quang

Tiến hành nghị án D sự thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1970

ĐKHKT: Xóm QH - xã HQ - huyện HH - tỉnh Nam Định.

Hiện đang thường trú và lao động tại Đài Loan

+ **Bị đơn:** Anh Mai Văn D - Sinh năm 1965

Nơi thường trú: Xóm QH - xã HQ - huyện HH - tỉnh Nam Định.

- **Người giám hộ và là người đại diện của anh Mai Văn D tại phiên tòa:** Chị Mai Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1998

Nơi thường trú: Xóm QH - xã HQ - huyện HH - tỉnh Nam Định.

**Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Mai Văn D.

3. Án phí D sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí D sự sơ thẩm mà chị L đã nộp tại biên lai số 0006796 ngày 21-10-2022 của Chi cục thi hành án D sự huyện Hải Hậu. Xác định chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí D sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự, người đại diện của đương sự có mặt tại Việt Nam được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: **3/3**

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN D**

**CHỦ TỌA**

